

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NHẬT BẢN
Số: 004/2020/JSI-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 25 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84-24 3791 1818 Fax: 84-24 3791 5808

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hồng Thúy**

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0986.692.882

Fax: 84-24 3791 5808

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản CBTT: Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được đăng trên website của công ty tại địa chỉ: <http://japan-sec.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Nội dung thông tin cần công bố
và các tài liệu có liên quan*

Người được ủy quyền công bố thông tin
Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu



Lê Thị Hồng Thúy

Cán bộ Phòng hành chính nhân sự

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

MỤC LỤC

TỔNG QUAN VỀ JSI

03



- Sự kiện nổi bật
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

13



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Đầu tư, dự án
- Tình hình tài chính
- Cổ đông và vốn chủ
- Tác động môi trường xã hội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

26



- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cải tiến
- Kế hoạch tương lai
- Trách nhiệm môi trường xã hội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

33



- Hoạt động của Công ty
- Hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

38



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



TỔNG QUAN VỀ JSI

Tên tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tên tiếng Anh:	JAPAN SECURITIES INCORPORATED
Tên viết tắt:	JSI
Vốn điều lệ:	160.000.000.000 VND (tại ngày 31/12/2019) Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn./
Vốn chủ sở hữu:	156.978.537.440 VND (tại ngày 31/12/2019) Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng./
Địa chỉ:	Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	84 – 24 – 3791.1818
Fax:	84 – 24 – 3791.5808
Website:	www.japan-sec.vn
Email:	info@japan-sec.vn

Là nhà môi giới chứng khoán đầu tiên và duy nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam được điều hành bởi định chế tài chính Nhật Bản, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI) định hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ chứng khoán cho tất cả đối tượng khách hàng toàn cầu trên thị trường Việt Nam với một nền tảng công nghệ thuận tiện, an toàn, chính xác và liên tục cập nhật.

Mặc dù sự biến động của thị trường chứng khoán là không ngừng và đầy thử thách, nhưng trải qua quá trình hơn 10 năm hình thành và phát triển, JSI không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chất lượng minh bạch, ổn định, an toàn, Công ty còn luôn cam kết duy trì mục tiêu tạo ra những giá trị gia tăng tốt nhất cho khách hàng, cho cổ đông, và cho đội ngũ nhân sự của mình. Với tầm nhìn dài hạn, triết lý kinh doanh ổn định, tin cậy, bằng hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro đạt tiêu chuẩn quốc tế, cùng tinh thần trách nhiệm cao nhất, JSI tự tin khẳng định sẽ toàn tâm nỗ lực, vượt qua mọi thách thức, để phát triển bền vững từ nội lực, và luôn là địa chỉ tin cậy cho tất cả các nhà đầu tư.

Thành lập từ năm 2009, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào, trụ sở chính của JSI hiện đặt tại Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội. Cổ đông pháp nhân Nhật Bản duy nhất là Công ty Chứng khoán Aizawa chiếm tới gần 99% vốn chủ sở hữu của Công ty. Năm 2019 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hoạt động của JSI, đó là việc Công ty nâng vốn thành công lên 160 tỷ đồng và được UBCKNN cấp giấy phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh. Với những thay đổi tích cực như trên, kỳ vọng 2020 sẽ là một năm đầy hứa hẹn, JSI sẽ đạt được những bước tiến mới, khẳng định được vị trí là nhà môi giới hàng đầu trên cơ sở cam kết các “giá trị Nhật Bản” dành cho khách hàng.

SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, hỗ trợ các kế hoạch kinh doanh và mở rộng quy mô nghiệp vụ trong tương lai, chưa đầy 1 năm sau lần tăng vốn đầu tiên vào tháng 10/2018, JSI tiếp tục thực hiện tăng vốn lần 2 thành công vào tháng 9/2019 lên 160 tỷ đồng. Cùng với lần tăng vốn này, JSI đã được UBCKNN cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Đây là 2 sự kiện lớn, kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển về các mặt hoạt động kinh doanh – đặc biệt là hoạt động đầu tư, giúp cải thiện năng lực tài chính của Công ty, khẳng định sự phát triển bền vững, tạo niềm tin cho cổ đông, đối tác và nhân sự Công ty.

Với đội ngũ chuyên gia đến từ Nhật Bản, giàu kinh nghiệm và thấu hiểu thông lệ thị trường quốc tế, JSI luôn cố gắng nỗ lực đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Năm 2019, JSI đã thay đổi và nâng cấp phần mềm giao dịch mới, thiết lập nền tảng giao dịch Bloomberg dành riêng cho khách hàng tổ chức nước ngoài, nhằm đem lại cho các nhà đầu tư trải nghiệm công nghệ hiện đại hơn, dịch vụ thuận tiện, nhanh chóng và chính xác hơn, cùng với chất lượng bảo mật cao hơn.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Môi giới là hoạt động cốt lõi của Công ty nên luôn được tập trung đầu tư về con người và công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh

Dịch vụ được trực tiếp thực hiện bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm người Nhật, JSI tự tin cung cấp các sản phẩm phân tích, tư vấn chất lượng, đa dạng, sát nhất với yêu cầu và mục đích của từng đối tượng khách hàng



JSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ về lưu ký chứng khoán tới các khách hàng một cách an toàn, bảo mật, thực hiện lưu ký với thời gian nhanh chóng nhất

Sử dụng nguồn vốn của Công ty để thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận, JSI hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng

Địa bàn kinh doanh

JSI cung cấp các dịch vụ chứng khoán cho tất cả khách hàng cá nhân và tổ chức đến từ trong và ngoài nước. Tuy nhiên, với lợi thế về cổ đông lớn từ Nhật Bản, đối với thị trường quốc tế, chúng tôi hướng tới thị trường Nhật Bản và các nước Châu Á khác. Đối với thị trường Việt Nam, do đặt trụ sở chính tại Hà Nội và hiện chưa mở chi nhánh tại các tỉnh thành khác, Công ty cũng tập trung nhiều hơn vào thị trường Hà Nội và các tỉnh lân cận.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

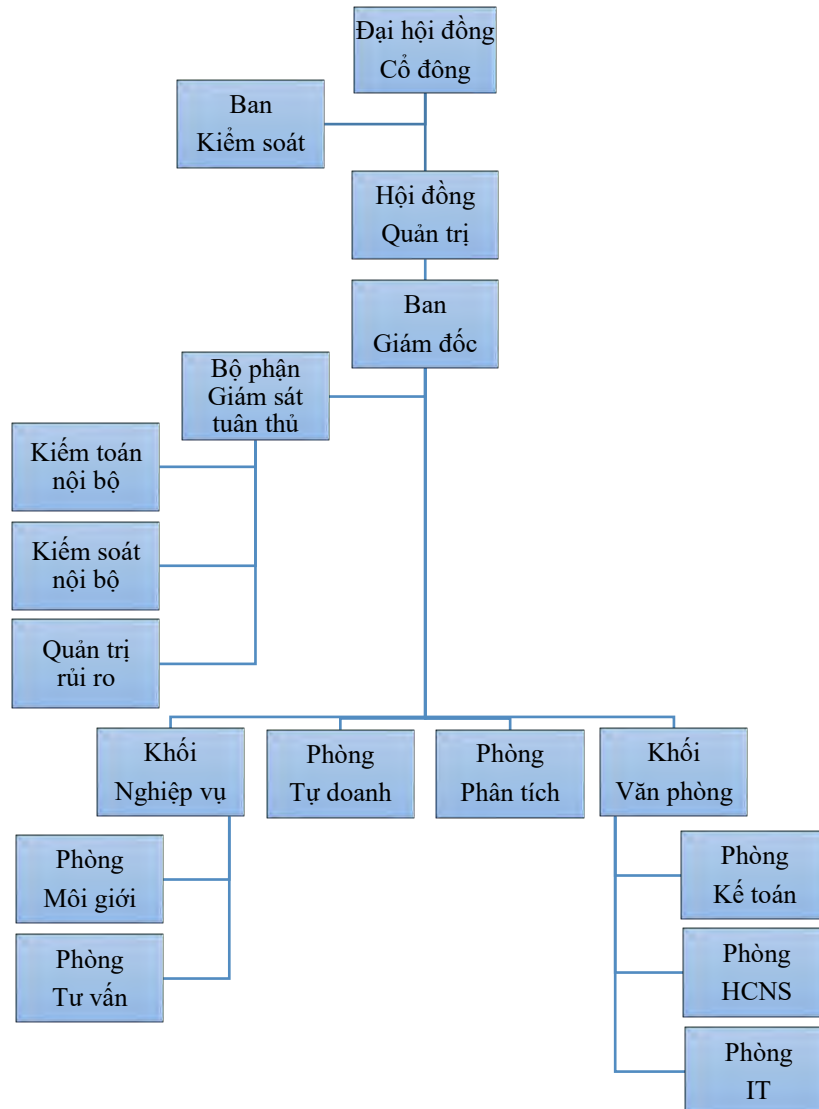
Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban nghiệp vụ và bộ phận Giám sát tuân thủ giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:

- Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn do Điều lệ Công ty quy định.
- Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của báo cáo tài chính cũng như hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông, và khách hàng.
- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị, thường xuyên giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc và hoạt động rủi ro của toàn Công ty, điều hành chỉ đạo về mặt chủ trương, định hướng trung hạn, dài hạn cho toàn Công ty;
- Ban Giám đốc quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền, cũng như thực hiện các nhiệm vụ theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông;
- Các trưởng phòng ban trực tiếp giải quyết công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mọi hoạt động của phòng ban đó trước Ban Giám đốc;
- Bộ phận Giám sát tuân thủ (bao gồm Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro) hoạt động độc lập và chuyên trách, có trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Công ty được thực hiện một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng quản trị Công ty theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã ban hành và thường xuyên cập nhật các quy trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban. Các quy trình này liên tục được xem xét và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế tại từng thời điểm. JSI cũng đã xây dựng hệ thống KPI minh bạch, rõ ràng, áp dụng phù hợp với quy mô và thực tế tại Công ty, điều này giúp việc thực hiện công tác quản lý và quản trị nhân sự được thuận lợi.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Sau khi được UBCKNN cấp phép nghiệp vụ tự doanh, tại cuộc họp định kỳ hàng quý ngày 18/10/2019, Hội đồng Quản trị JSI đã thông qua sơ đồ cơ cấu tổ chức mới của Công ty. Theo đó, phòng Tự doanh trực tiếp trực thuộc Ban Giám đốc. Xác định đây là một cơ hội nhưng cũng là một thách thức lớn của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, Ban Giám đốc đã cử những nhân sự có năng lực và kinh nghiệm người Nhật Bản để thực hiện công việc này nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và đảm bảo nguồn vốn của Công ty. Cùng với đó, Công ty sẽ tiến hành tuyển dụng những nhân sự mới để đào tạo một cách bài bản và trở thành thế hệ kế cận cho một nghiệp vụ đòi hỏi cao về khả năng chuyên môn này.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản vẫn kiên trì hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán Việt Nam cho khách hàng Nhật Bản. Chúng tôi đã và đang tiếp tục sứ mệnh trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản. Công ty hiện đang có định hướng mở rộng sang các thị trường Châu Á khác như Hồng Kông, Singapore, Thái Lan... với mục đích gia tăng thị phần cũng như giới thiệu với các nhà đầu tư quốc tế về một thị trường vốn Việt Nam trẻ trung, năng động, đang phát triển, đầy hấp dẫn và tiềm năng.

Năm 2018, Công ty Chứng khoán Aizawa tại Nhật Bản chính thức sở hữu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản, và phần vốn góp này được tăng lên đến gần 99% từ tháng 9/2019. Là một thương hiệu có uy tín trên thị trường Nhật Bản với bề dày lịch sử lên đến hơn 100 năm, Aizawa đã, đang và sẽ tích cực hỗ trợ JSI trong các chiến dịch quảng bá sản phẩm dịch vụ và thu hút khách hàng tại các thị trường Châu Á mà Aizawa có thế mạnh nhằm tận dụng mạng lưới khách hàng hiện có cũng như quảng bá tên tuổi Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam ra các thị trường lân cận.

Triết lý kinh doanh của chúng tôi từ những ngày đầu thành lập luôn theo định hướng của một công ty mang đặc tính “Nhật Bản”, đặt sự tín nhiệm và minh bạch lên hàng đầu. Đó là:

- Trung thực và Tin cậy;
- Ổn định và Chất lượng;
- Phát triển và Công hiến.

Trong trung và dài hạn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các mục tiêu sau:

- Về quản trị: Xây dựng Công ty hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân sự; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Về thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Công ty trên thị trường nhằm gia tăng lượng khách hàng tổ chức nước ngoài, không chỉ tại thị trường Nhật Bản mà còn ở các thị trường Châu Á khác;
- Về dịch vụ: Kết nối mạng giao dịch chứng khoán toàn cầu Bloomberg để dễ dàng tiếp cận nhóm khách hàng mục tiêu là các tổ chức nước ngoài; đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân trong và ngoài nước, giảm thiểu việc tác động của con người vào quá trình thực hiện nghiệp vụ chứng khoán;
- Về hệ thống: Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin bằng cách tiếp tục đầu tư phần mềm và tiếp cận các sản phẩm dịch vụ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu giao dịch của khách hàng, đặc biệt là khách hàng quốc tế;
- Về tài chính: Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển ổn định, vững chắc;
- Về đầu tư: Sử dụng vốn với mục đích tối ưu hóa lợi nhuận, gia tăng giá trị vốn đầu tư ban đầu nhưng vẫn bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông.

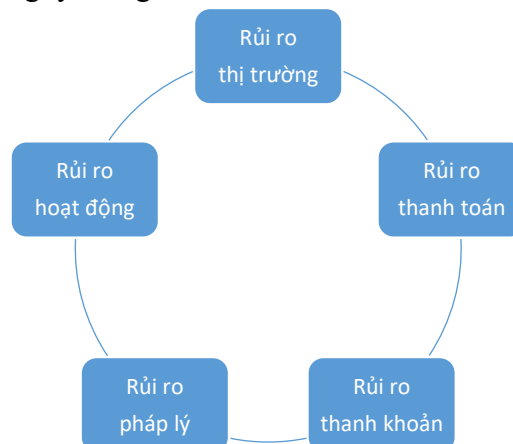
CÁC RỦI RO

Hoạt động trong một lĩnh vực biến động không ngừng và đặc thù như thị trường chứng khoán thì một yêu cầu cấp thiết và trọng yếu được đặt ra đối với mỗi công ty chứng khoán chính là một hệ thống quản trị rủi ro toàn diện và chặt chẽ. Chính vì thế, ở Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản, việc nhận diện và chủ động quản trị các rủi ro luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Các hoạt động của Công ty được kiểm tra, phân tích và đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định nội bộ về quản trị rủi ro. Từ đó đưa ra các giải pháp, kế hoạch hành động liên quan tới quản trị rủi ro của toàn Công ty trong thời gian tới. Bằng sự quản trị sát sao như vậy, JSI đã từng bước vượt qua những khó khăn, thách thức trong các năm qua và tiến tới sự phát triển bền vững.

Chính sách rủi ro của Công ty là bảo toàn vốn, nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng hoạt động liên tục, giữ gìn uy tín, danh tiếng và đảm bảo sự phát triển của Công ty. Cuối năm 2019, JSI đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp phép nghiệp vụ tự doanh nhưng chưa triển khai hoạt động này. Do đó, dịch vụ kinh doanh chủ yếu của JSI hiện vẫn là môi giới và tư vấn đầu tư cho Khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đưa ra các định hướng, xây dựng quy trình làm việc cho từng nghiệp vụ và được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên nhằm tuân thủ với các quy định pháp lý, tiếp thu các tình huống rủi ro trên thị trường và hạn chế thiệt hại vượt quá hạn mức rủi ro mà Công ty đã đề ra. Chính sách rủi ro được xây dựng dựa trên cơ sở:

- Chiến lược hoạt động của Công ty
- Khả năng chấp nhận rủi ro của Công ty
- Sự hiểu biết các công cụ tài chính chịu rủi ro tại Công ty
- Mức độ chuyên nghiệp về quản trị rủi ro của đội ngũ thừa hành
- Tham khảo các hoạt động quản trị rủi ro trong quá khứ và hiện hành trên thị trường
- Tuân thủ và vận dụng Quy định pháp lý về Quản trị rủi ro

Các rủi ro liên quan đến Công ty và có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của Công ty bao gồm:



Rủi ro thị trường

Là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo chiều hướng bất lợi của giá thị trường. Rủi ro thị trường ở Công ty xảy ra khi thị trường có sự biến động theo chiều hướng bất lợi các yếu tố như thay đổi chính sách vĩ mô, biến động lãi suất, biến động tỷ giá, bất ổn chính trị... làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

Các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty có trách nhiệm phối hợp theo dõi biến động về giá cả chứng khoán, lãi suất trái phiếu, xu hướng thị trường; đo lường mức độ rủi ro có thể xảy ra với danh mục chứng khoán đang nắm giữ; báo cáo cho Ban lãnh đạo nhằm đưa ra các giải pháp hợp lý, kịp thời. Năm 2019, Công ty đã cân đối kế hoạch sử dụng vốn và dự đoán được xu hướng lãi suất trên thị trường để đưa ra số tiền và kỳ hạn gửi tiền tương đối hợp lý.

Rủi ro thanh toán

Là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

Rủi ro thanh toán ở JSI hầu hết liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán. Do đặc thù hoạt động cho vay ứng trước tiền bán dựa trên tài sản đảm bảo là tiền bán chờ về của khách hàng dưới sự quản lý chặt chẽ của hệ thống phần mềm, nên Công ty hầu như không gặp rủi ro hoặc xác suất rủi ro là rất thấp cho hoạt động này.

Với hoạt động lưu ký chứng khoán, Công ty chỉ thu phí lưu ký đối với khách hàng trong nước, phần lớn các khách hàng này đều quản lý tiền tại ngân hàng thương mại do JSI đứng tên và hơn nữa hệ thống phần mềm của JSI được xây dựng dựa trên cơ chế khách hàng phải thanh toán mọi nghĩa vụ nợ với CTCK trước khi chuyển/rút tiền ra khỏi tài khoản hoặc đóng tài khoản. Do đó, rủi ro này ở JSI là rất thấp.

Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn do thiếu tiền.

JSI giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của sự thay đổi các luồng tiền. Công ty cũng quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư và nguồn tiền Công ty dùng cho hoạt động kinh doanh. Căn cứ vào báo cáo số dư tiền các tài khoản ngân hàng hàng ngày, báo cáo số dư tiền nhà đầu tư tại JSI, báo cáo số tiền giải ngân/thu nợ cho vay ứng trước,...và báo cáo doanh thu, nguồn tiền của Công ty để cân đối các

khoản thu chi nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Khoản tiền JSI cho khách hàng vay lớn nhất là từ giao dịch ký quỹ. Tuy nhiên, hiện nay JSI đã ngừng giải ngân cho giao dịch này nên rủi ro thanh khoản chỉ liên quan đến việc dự phòng tồn quỹ ở mức hợp lý để thanh toán các khoản chi phí thường xuyên và phát sinh đột xuất của Công ty.

Rủi ro pháp lý

Là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn hoặc do các nguyên nhân khác.

Để tránh/ giảm thiểu các rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng như các lĩnh vực liên quan bằng cách ký hợp đồng tra cứu/cập nhật văn bản pháp luật và cử nhân sự tham gia các khóa học liên quan. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành các chương trình kiểm soát nội bộ để giám sát và báo cáo về tính tuân thủ hoặc các vấn đề khác, thường xuyên rà soát, sửa đổi và ban hành các quy định, quy trình làm việc để đảm bảo cập nhật kịp thời những thay đổi của pháp luật. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý hoặc các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó Công ty có thể hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

Rủi ro hoạt động

Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người phát sinh trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ tại JSI, phát sinh do lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc sơ xuất trong vận hành kinh doanh gây thiệt hại...

Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty ban hành các quy trình làm việc cụ thể cho các phòng ban, đặc biệt phòng IT và khối Nghiệp vụ, nhằm đảm bảo mọi thao tác đều được thực hiện trên nguyên tắc kiểm tra chéo lẫn nhau, một người tạo - một người kiểm tra và phê duyệt. Các phòng ban làm việc dựa trên bộ quy trình hướng dẫn này, ngoài ra khi có vấn đề phát sinh nhân viên nghiệp vụ kết hợp với Trưởng phòng, các phòng ban khác và Ban Giám Đốc để giải quyết. Các phòng ban thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận để đưa phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo và hỗ trợ nhân viên tham dự các khóa học chuyên môn, thi và lấy chứng chỉ hành nghề để nâng cao kiến thức về nghiệp vụ và pháp luật nhằm hạn chế các rủi ro liên quan tới yếu tố con người trong quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ nguồn lãi của các năm trước để lại để giảm thiểu sự ảnh hưởng của các rủi ro này tới hoạt động của Công ty. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI đã và đang được hạn chế ở mức tối đa.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thị trường chung

Thị trường chứng khoán vốn luôn biến động không ngừng, năm 2019 cũng không ngoại lệ. Đầu năm, thị trường tương đối khởi sắc, chỉ số VN-Index liên tục đi lên mạnh mẽ và vượt ngưỡng tâm lý quan trọng 1.000 điểm chỉ sau chưa đến 3 tháng. Tuy nhiên, sự hưng phấn không duy trì được lâu, thị trường bước vào nhịp điều chỉnh sâu, thậm chí có thời điểm rơi xuống sát mốc 940 điểm. Nửa sau năm 2019 thị trường bắt đầu ổn định trở lại và dần diễn biến tích cực hơn, VN-Index có lần thứ 2 chinh phục ngưỡng 1.000 điểm vào cuối tháng 10, sự bùng nổ sau đó khiến giới đầu tư bắt đầu lạc quan về mục tiêu hướng đến đỉnh lịch sử 1.200 điểm mà thị trường từng đạt được vào tháng 4/2018. Tuy nhiên, áp lực chốt lời mạnh lại một lần nữa khiến VN-Index mất đà và rơi sâu về vùng 950 điểm. Kết thúc năm, VN-Index đạt 960,99 điểm, tăng 7,7% so với cuối năm 2018, cao hơn các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia. Quy mô vốn hóa thị trường tăng 10,7% so với cuối năm 2018, đạt 4.4 triệu tỉ đồng. Dù vậy, thanh khoản trên thị trường ở mức thấp với trung bình 4.659 tỉ đồng/phiên do những lo ngại về bất ổn thương mại quốc tế, đặc biệt là căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

Đối với thị trường chứng khoán phái sinh, mặc dù mới chính thức đi vào hoạt động được hai năm nhưng thị trường đã có những bước tăng trưởng tốt và ổn định. Trên thị trường phái sinh hiện có hai sản phẩm là Hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kì hạn 5 năm. Bên cạnh đó, sau 7 năm “thai nghén”, ngày 28/6/2019, sản phẩm mới là chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant) đã chính thức được giao dịch, là sản phẩm phái sinh thứ hai sau hợp đồng tương lai. Việc ra đời sản phẩm này góp phần hỗ trợ nhà đầu tư phòng ngừa những biến động trên thị trường cổ phiếu.

Đối với JSI

Trong bối cảnh thị trường chung thăng trầm, JSI đã đạt được những kết quả đáng tự hào. Tiếp nối những tín hiệu tích cực trong năm 2018, 2019 là một năm JSI đã gặt hái được kết quả kinh doanh khởi sắc với lợi nhuận đạt 7.2 tỷ đồng, là mức lợi nhuận cao nhất trong vòng 10 năm kể từ khi thành lập Công ty. Chỉ trong năm 2019, JSI đã bù đắp được gần 2/3 số lỗ lũy kế của 4 năm trước đó, ghi nhận những nỗ lực không mệt mỏi và định hướng hợp lý của Công ty.

Nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn là hoạt động chủ chốt đem lại nguồn doanh thu lớn nhất cho Công ty với tỷ trọng trên 60%. Định hướng tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài, JSI triển khai cung cấp dịch vụ giao dịch bảo mật, thuận lợi, chuyên nghiệp, được các khách hàng lớn đánh giá cao. Hiện nay, tất cả các khách hàng tổ chức nước ngoài của Công ty đã chuyển sang giao dịch trên nền tảng Bloomberg, từ đó đảm bảo giảm thiểu rủi ro nghiệp vụ đến từ con người, tăng tốc độ lệnh đặt và phản hồi trạng thái lệnh, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật.

Hoạt động tư vấn mặc dù vẫn chưa chiếm tỷ trọng cao, nhưng cũng là một nghiệp vụ mà JSI sẽ tập trung nhiều hơn trong tương lai gần. Việc thực hiện các báo cáo phân tích thị trường trung thực, khách quan, và có chất lượng cao, được các khách hàng tổ chức sử dụng, chính là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Công ty theo đuổi. Ngoài việc giúp khách hàng có những quyết định đầu tư đúng đắn, những báo cáo này còn giúp JSI nâng cao uy tín và doanh thu không những từ mảng tư vấn mà còn từ mảng môi giới, qua đó giúp JSI cải thiện kết quả kinh doanh của mình.

Cũng trong năm 2019, JSI đã được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa chính thức triển khai nghiệp vụ này.

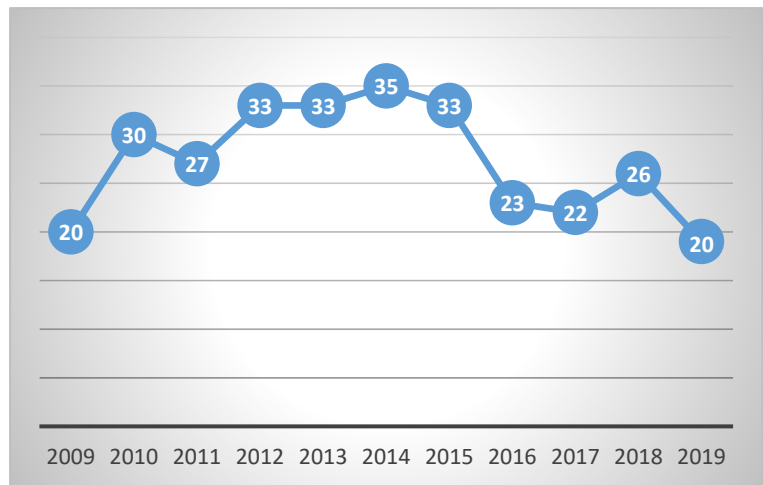
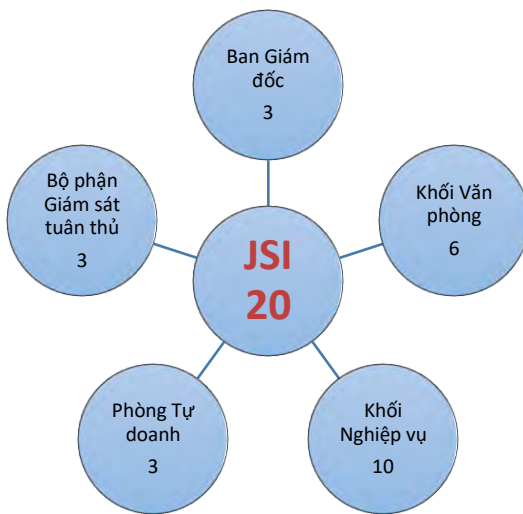
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

<p>Ông TSUYOSHI IMAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Đại diện trước pháp luật <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p> <p>Quốc tịch: Nhật Bản</p> <p>Trước khi được Công ty mẹ là Chứng khoán Aizawa cử sang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc tại JSI, ông Imai đã có kinh nghiệm hơn 30 năm làm quản lý tại các công ty chứng khoán và tập đoàn đầu tư tại Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản...</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2019: 0%</p>	<p>Bà NGUYỄN THỊ THU TRANG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p> <p>Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>Gia nhập JSI từ những ngày đầu thành lập, trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc JSI, bà Trang đã giữ những chức vụ quản lý quan trọng khác trong Công ty. Hiện bà đang trực tiếp quản lý Khối Văn phòng</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2019: 0%</p>	<p>Ông TOMONORI TSUCHIYA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p> <p>Quốc tịch: Nhật Bản</p> <p>Trước khi được cử sang đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc tại JSI, ông Tsuchiya đã có kinh nghiệm gần 20 năm làm việc tại Công ty Chứng khoán Aizawa - Công ty mẹ của JSI. Hiện ông đang trực tiếp quản lý Khối Nghiệp vụ</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2019: 0%</p>	<p>Bà KHỔNG THỊ HƯƠNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán trưởng <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế</p> <p>Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>Là nhân sự có bề dày 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán, và gia nhập JSI từ năm 2010, bà Hương chính thức được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Công ty kể từ đầu 2019</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2019: 0%</p>
--	---	--	--

Kể từ khi trở thành Công ty Mẹ của JSI vào năm 2018, Aizawa đã cử những nhân sự có kinh nghiệm sang trực tiếp điều hành JSI. Theo đó, đội ngũ quản lý của JSI – bao gồm cả những nhân sự người bản ngữ và bản địa – đều đã đi vào ổn định và phát huy được những kinh nghiệm đã tích lũy trên thị trường trong nước và quốc tế.

Số lượng cán bộ nhân viên tại ngày 31/12/2019



Mặc dù Công ty đã vận hành với số lượng nhân viên tối thiểu, 2019 JSI đã đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất kể từ khi thành lập. Một vài vị trí kiêm nhiệm để tận dụng tối đa năng suất lao động của nhân sự và vẫn đáp ứng được yêu cầu của luật định cũng như tăng hiệu quả kinh doanh.

Tuy nhiên, là một công ty chứng khoán, JSI hiểu rõ rằng ngoài hệ thống phần mềm, nguồn nhân lực chính là tài sản lớn nhất và quý giá nhất mà Công ty phải nỗ lực xây dựng và không ngừng củng cố. Công ty vẫn tiếp tục kiếm tìm những ứng viên phù hợp, tài năng và nhiệt huyết để chào đón gia nhập đội ngũ. Công ty tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng quản trị công việc, cũng như thường xuyên định hướng việc kiểm soát rủi ro, JSI còn đề cao đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng cho từng thành viên trong đội ngũ nhân sự của mình, từ đó, Công ty xây dựng một tổ chức vững mạnh, là điểm tựa cho sự phát triển bền vững và lâu dài, đóng góp không nhỏ để Công ty có thể có được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Năm 2018, cùng với việc thay đổi cơ cấu cổ đông và tăng vốn, JSI đã thực hiện nhiều sự thay đổi: chuyển trụ sở, đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống phần mềm để hướng tới việc đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, tiếp cận ngày càng gần với các phương thức giao dịch quốc tế.

Trên cơ sở những chuẩn bị của 2018, sang năm 2019, JSI tiếp tục nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ sẵn có nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch, trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Những biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 có tác động không nhỏ đến hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và JSI nói riêng. Tuy nhiên, với việc tập trung vào mảng môi giới chứng khoán nên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019 vẫn được duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	92.197.387.313	158.896.993.536	72,34
Doanh thu thuần	17.083.673.474	20.956.027.836	22,67
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	340.124.874	1.643.859.272	383,31
Lợi nhuận khác	73.197.698	5.568.663.993	7.507,70
Lợi nhuận trước thuế	413.322.572	7.212.523.265	1.645,01
Lợi nhuận sau thuế	413.322.572	7.212.523.265	1.645,01
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	10	64	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	10	64	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,026	0,012	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,027	0,012	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,185	0,132	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,42%	34,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,46%	4,59%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,45%	4,54%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2%	7,84%	

NHÓM CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN: Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của JSI năm 2019 tăng so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2019 JSI đã tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 160 tỷ. Số tiền tăng lên từ vốn điều lệ được bổ sung vào vốn lưu động.

NHÓM CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN: Do vốn lưu động của công ty tăng cao nên Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm trong năm 2019 cùng ở mức 0.012. Công ty chủ trương sử dụng nguồn vốn tự có cho hoạt động kinh doanh. Việc này sẽ giúp Công ty chủ động trong hoạt động, không chịu áp lực chi phí lãi vay và dễ dàng huy động tiền khi cần thiết.

NHÓM CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG: Các chỉ tiêu Doanh thu hoạt động/Vốn chủ sở hữu và Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản của JSI trong năm 2019 tuy có giảm so với năm 2018 nhưng nguyên nhân chủ yếu là việc tăng vốn điều lệ thực hiện vào tháng 11/2019 dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cuối năm tăng cao. Tuy nhiên doanh thu hoạt động của JSI năm 2019 được ghi nhận tăng 22.67% so với năm 2018.

NHÓM CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI: Tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng cao trong năm qua. Điều này cho thấy Công ty kiểm soát chặt chẽ các chi phí và thận trọng trong các hoạt động nhằm mang lại hiệu suất sinh lời cao và ổn định.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

16.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu thường (mệnh giá 10.000 VND)

16.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi

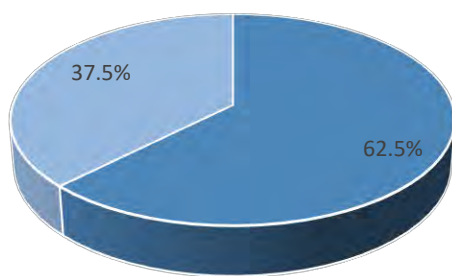
0 cổ phiếu

Cổ phiếu tự do chuyển nhượng

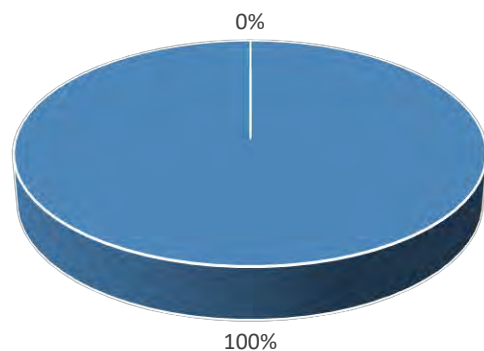
10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

6.000.000 cổ phiếu



- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng



- Cổ phiếu thường
- Cổ phiếu ưu đãi

Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên		
	<i>Trong đó:</i>		
1	Tổ chức trong nước (0 tổ chức)	0%	0
	Tổ chức nước ngoài (1 tổ chức)	98,72%	157.795.000.000
	Cá nhân trong nước (0 cá nhân)	0%	0
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	0%	0
	Tổ chức		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	98,72%	157.795.000.000
2	Tổ chức Việt nam	0%	0
	Cá nhân		
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
	Cá nhân Việt nam	0%	0
	Trong nước		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	0%	0
	Cá nhân trong nước	0%	0
3	Nước ngoài		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	98,72%	157.795.000.000
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
4	Cổ đông Nhà nước	0%	0

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2019, JSI thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng. Việc tăng vốn này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức chấp thuận vào ngày 18/09/2019 theo Giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK. Theo đó, hiện nay, JSI chỉ có một cổ đông lớn duy nhất, cũng là cổ đông tổ chức duy nhất, là Công ty Chứng khoán Aizawa tại Nhật Bản hiện sở hữu gần 99% cổ phần. Ngoài ra, JSI còn có một số cổ đông cá nhân nhỏ lẻ khác chiếm tỷ trọng hơn 1%.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

Các chứng khoán khác: không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2019, JSI vận hành với số lượng nhân sự ít nhất kể từ khi thành lập. Vào ngày 31/12/2019, Công ty có 20 thành viên, bao gồm 1 đại diện sàn tại HOSE. Số lượng lao động bình quân của năm 2019 là 21 người/tháng với mức lương trung bình ở mức 18 triệu đồng/người/tháng.

Công ty cũng duy trì chính sách lao động cạnh tranh, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- JSI luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ về lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, lương theo vị trí, người lao động còn được hưởng phụ cấp theo bằng cấp, chứng chỉ, và năng suất hiệu quả công việc. Chính sách lương được đánh giá là minh bạch, cạnh tranh và thu hút nhân tài. JSI hiểu rõ việc xây dựng môi trường làm việc năng động, có cơ hội học hỏi, phát triển và chính sách lương hợp lý, cạnh tranh là những yếu tố thu hút và giữ chân nhân sự cống hiến, gắn kết lâu dài với Công ty.
- Song song với chính sách chi trả lương minh bạch và cạnh tranh, chính sách khen thưởng phúc lợi đãi ngộ được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Hiệu suất công việc và năng lực nhân sự được đánh giá khách quan, cụ thể và công bằng thông qua cơ chế đánh giá chỉ số hiệu quả KPI. Năm 2019, ngoài tháng lương thứ 13 và thưởng nhân các ngày Lễ Tết, JSI đã tổ chức các chuyến du lịch dã ngoại, các chương trình team building, gala dinner, hoạt động từ thiện... nhằm gắn kết người lao động với nhau và với Công ty.
- Do định hướng của Công ty là tập trung vào nhóm khách hàng nước ngoài nên JSI chủ trương tuyển dụng và tạo điều kiện phát triển năng lực cho các nhân sự trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng tiếp cận và làm việc với môi trường quốc tế chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, JSI luôn ý thức rõ việc đào tạo kiến thức chuyên môn về ngành chứng khoán là nhiệm vụ mà Công ty phải tập trung hàng đầu, vì vậy, chúng tôi đã đưa ra những chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích nhân sự học tập, nâng cao kỹ năng và hiểu biết về ngành, cũng như tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn. Các kiến thức về pháp luật cũng như quy định tuân thủ cũng được Ban lãnh đạo quan tâm, chú trọng nhằm đảm bảo ý thức tuân thủ của tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong Công ty.
- Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đảm bảo các quyền lợi cơ bản cho Người lao động như thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

Hoạt động đào tạo người lao động: Năm 2019, số giờ đào tạo trung bình trong Công ty khoảng 5 giờ/nhân viên/năm (khoảng 100 giờ toàn Công ty), bao gồm cả các chương trình đào tạo nội bộ thực hiện bởi nhân sự Công ty, các chương trình đào tạo ngoại khóa, các chương trình học tập được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp..., nội dung về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng, các chương trình phát triển kỹ năng, ngoại ngữ, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm, được tổ chức cả trong và ngoài địa điểm làm việc của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của Phường, Quận nơi Công ty đặt trụ sở.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Năm 2019, JSI đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp phép nghiệp vụ tự doanh nhưng chưa chính thức tiến hành triển khai hoạt động này.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng
Tổng Doanh thu thực hiện	17.083.673.474	20.956.027.836	22.67%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện	413.322.572	7.212.523.265	1645.01%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện/Vốn điều lệ %	0.41%	4.51%	990.63%
Số lượng nhân viên	26	20	-23.08%

Nửa đầu năm 2019, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, và ổn định trong mọi hoạt động. Đến cuối năm, thông qua việc tăng vốn thành công và được cấp phép hoạt động tự doanh, Công ty tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại bộ máy để chuẩn bị cho những hoạt động sắp tới trong 2020.

Kết quả kinh doanh 2019

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện đạt hơn 20 tỷ đồng tăng 22.67% so với năm 2018. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm đạt 7.2 tỷ đồng, tăng 1645.01% so với năm 2018. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu chưa cao, nhưng đây là tín hiệu đáng mừng, ghi nhận những nỗ lực của Công ty trong việc cải thiện cơ cấu doanh thu, không chỉ tập trung riêng vào mảng môi giới mà đã hướng sang cả mảng tư vấn.

Doanh thu từ phí giao dịch của JSI được đóng góp phần lớn là từ giao dịch của tổ chức nước ngoài. Giao dịch từ nhóm khách hàng này trong năm 2019 luôn được duy trì ở mức cao. Trong năm, JSI đã tìm kiếm và mở mới tài khoản cho một số tổ chức ở các nước khác ngoài Nhật Bản để tham gia giao dịch chứng khoán tại Việt Nam với mục đích gia tăng doanh thu và mở rộng thị trường. Các tổ chức này mới tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam nên giá trị giao dịch chưa đột biến, nhưng Công ty kỳ vọng việc giao dịch thường xuyên và ổn định của họ trong năm 2019 sẽ là tiền đề cho những đột phá của các năm tiếp theo.

Các dự án đầu tư lớn về cơ sở vật chất và hệ thống phần mềm đã được JSI thực hiện hoàn thiện trong năm 2018, theo đó, chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2019 đi vào ổn định, không có những khoản chi phí lớn và bất thường. Cùng với doanh thu tăng cao, việc ổn định chi phí đã giúp cho lợi nhuận Công ty đạt được kết quả tốt hơn so với năm 2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản tăng 66.70 tỷ, do trong năm JSI nhận được vốn góp từ cổ đông, với mục tiêu đáp ứng tốt hơn hoạt động kinh doanh, mở rộng nghiệp vụ và định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Trong tổng tài sản của JSI, tiền gửi ngân hàng được duy trì một tỷ lệ cao. Năm 2019, do phần vốn góp tăng lên và các nghiệp vụ mới chưa triển khai, tỷ lệ này tiếp tục được duy trì nhằm tối ưu hoá lợi nhuận đồng thời tạo công cụ thanh khoản cho hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh khác của JSI.

Năm 2019, trong quá trình nâng cấp và cải tạo cơ sở vật chất, Công ty dành nhiều sự quan tâm về trang thiết bị đặc biệt là hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho nhân viên và cơ sở vật chất của Công ty vì vậy giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tăng so với năm 2018 là 8.9%.

Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả giảm từ 2.4 tỷ còn 1.9 tỷ vào cuối năm. Phần lớn là các khoản phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức

Do những thay đổi về vốn và nghiệp vụ, cuối năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt đề xuất của Ban Giám đốc về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty. Từng thành viên Ban Giám đốc trực tiếp được giao nhiệm vụ điều hành những mảng nghiệp vụ cụ thể, chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị về hoạt động của bộ phận mình. Các thành viên người Nhật Bản với kinh nghiệm và trải nghiệm trên thị trường quốc tế được giao điều hành mảng môi giới với nhóm khách hàng mục tiêu là các tổ chức nước ngoài và mảng tự doanh hiện còn mới mẻ với Công ty.

Hoạt động dịch vụ

JSI định hướng nhóm khách hàng mục tiêu là các tổ chức nước ngoài. Theo đó, ngay sau khi đầu tư cơ sở hạ tầng và vật chất mới, JSI không tiến hành mở rộng thêm các mảng dịch vụ gia tăng mà chú trọng vào việc nâng cao chất lượng của các dịch vụ đang cung cấp cũng như chuyên biệt hóa các tiện ích cho nhóm khách hàng mục tiêu, nhằm đem đến sự tin tưởng và hài lòng cho Khách hàng. JSI tin rằng với sự đầu tư nghiêm túc và bài bản, với định hướng hoạt động dịch vụ chuyên nghiệp và hướng tới khách hàng, với uy tín và kinh nghiệm của các chuyên gia đến từ Nhật Bản, Công ty sẽ phát triển bền vững và thu hút được nhiều hơn nữa những khách hàng tiềm năng, không chỉ đến với JSI, mà đến với thị trường tài chính Việt Nam.

Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Với mục tiêu hướng tới nhóm khách hàng chuyên nghiệp, JSI ý thức rõ về việc đảm bảo và duy trì uy tín cũng như sự tin nhiệm của khách hàng dành cho Công ty. Theo đó, việc kiểm tra giám sát nội bộ và quản trị rủi ro đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động thường ngày của chúng tôi. Các hoạt động này không chỉ giúp JSI hạn chế các rủi ro trong quá trình hoạt động, mà còn hỗ trợ Công ty phát hiện ra các rủi ro tiềm tàng. Theo đó, trong năm 2019, JSI đã thành lập bộ phận Giám sát tuân thủ, cử những nhân sự có kinh nghiệm, bằng cấp và năng lực để vận hành các công việc trong bộ phận này. Cùng với đó, Công ty đã tiến hành rà soát, sửa đổi và ban hành một loạt các quy trình, quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và của Công ty. Các quy trình được thực hiện song ngữ để tiệm cận dần với các tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có các hoạt động rà soát và kiểm tra chặt chẽ tất cả các hoạt động nghiệp vụ, thực hiện các báo cáo nội bộ định kỳ và bất thường, đảm bảo chất lượng thực của các hoạt động kiểm tra này.

Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương

Với đặc thù của Công ty là hướng tới khách hàng chuyên nghiệp ở nước ngoài, JSI phải sử dụng những nhân sự không chỉ có năng lực về ngoại ngữ mà còn phải đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ. Theo đó, Công ty đã xây dựng cơ chế lương thưởng để khuyến khích toàn thể nhân viên công ty

(không chỉ giới hạn trong số những nhân viên làm nghiệp vụ chứng khoán, mà còn cả các nhân viên thuộc các bộ phận hỗ trợ) tham gia học và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán, chứng chỉ Toeic tiếng Anh, chứng chỉ tiếng Nhật... Công ty cũng cung cấp chế độ hỗ trợ về chi phí và thời gian học tập để đảm bảo tất cả các nhân sự làm việc trong Công ty đều hiểu các đặc thù của ngành chứng khoán, cũng như sẵn sàng hỗ trợ luân chuyển nhân sự nếu Công ty có yêu cầu.

Hiểu rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố then chốt làm nên thành công của cả Công ty, JSI định hướng theo các thông lệ quản trị hiện đại trên thế giới với chế độ phúc lợi gắn liền với năng lực và đóng góp của từng nhân sự, tất cả cán bộ nhân viên của Công ty được thực hiện đánh giá KPI hàng năm và là căn cứ cho chế độ lương thưởng của các năm tiếp theo. Với quy mô Công ty còn nhỏ, Ban Giám đốc Công ty tự tin hiểu rõ năng lực và tính cách của từng nhân sự, theo sát sự phát triển trong sự nghiệp của mỗi thành viên đóng góp cho thành công của JSI.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

Cùng sự hỗ trợ của các thành viên Chính phủ thông qua việc thúc đẩy các giải pháp phát triển thị trường, 2020 hứa hẹn sẽ là một năm đầy triển vọng cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Các tổ chức có uy tín đều dự báo tăng trưởng tốt của thị trường. Mặc dù còn những rủi ro và lo ngại, thị trường vẫn được kỳ vọng sẽ có những diễn biến khả quan.

Theo đó, JSI cũng vẫn rất lạc quan và tin tưởng việc tăng trưởng của Công ty trong năm 2020 tới đây. Công ty đang xây dựng những kế hoạch cụ thể để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.

Tiếp tục định hướng thực hiện các báo cáo phân tích theo yêu cầu của khách hàng, JSI không chỉ kỳ vọng vào việc tăng doanh thu mảng tư vấn mà đây còn là một yếu tố lợi thế cạnh tranh, gia tăng uy tín của Công ty trong mắt các nhà đầu tư quốc tế, từ đó, tăng trưởng doanh thu mảng môi giới. Hiện nay, trên thị trường, các báo cáo thông tin thị trường hàng ngày và các báo cáo phân tích được các công ty chứng khoán lớn cung cấp miễn phí và rất dễ dàng để tiếp cận, nếu JSI làm các báo cáo như vậy sẽ rất khó để tăng doanh thu cho mảng này. Theo đó, Công ty tập trung thực hiện các báo cáo theo yêu cầu riêng, phục vụ cho từng khách hàng tổ chức, và với thế mạnh của JSI là báo cáo bằng tiếng Nhật (được thực hiện bởi cả nhân sự bản ngữ và nhân sự người Việt được đào tạo tại các trường đại học của Nhật Bản), JSI đã tìm được thị trường ngách cho mảng nghiệp vụ này. Vì vậy, ưu tiên hàng đầu của Công ty hiện nay là xây dựng phòng Phân tích, đa dạng hóa nguồn nhân lực của bộ phận này để có thể thực hiện những báo cáo phân tích nhiều chiều, đa dạng, toàn diện, tối ưu.

Năm 2019, JSI đã được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh. Từ đầu 2020, Ban Giám đốc sẽ chính thức triển khai các dự án công việc của bộ phận này. Tuy nhiên, thời gian đầu, Công ty chưa kỳ vọng mức doanh thu lớn từ nghiệp vụ này.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, JSI cam kết thực hiện các trách nhiệm xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty sẽ đồng hành cùng sự lớn mạnh của đất nước.

Công ty khuyến khích tất cả nhân sự cùng ủng hộ và hưởng ứng các hoạt động xã hội như Giờ Trái đất - ngày thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm - đề cao việc tiết kiệm điện năng và giảm lượng khí thải; ngày Nước thế giới - 22/3 hàng năm – kêu gọi không sử dụng nước một cách lãng phí cũng như tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngọt; và các hoạt động khác để bảo vệ môi trường – bảo vệ trái đất như: tiết kiệm năng lượng, thu gom pin thải, hạn chế dùng túi nilong, hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần, giảm thiểu – thu gom – tái chế rác thải, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường...

Mặc dù chưa có đủ điều kiện và nhân lực để tổ chức vào các chương trình xã hội ở quy mô lớn, JSI luôn cố gắng góp một phần nhỏ vào các hoạt động được địa phương phát động để phục vụ cộng đồng thông qua các chương trình thiện nguyện hay các chương trình xã hội ngoài giờ giao dịch. Các hoạt động đóng góp vì cộng đồng này không chỉ giúp gắn kết tình đồng nghiệp, xây dựng văn hóa Công ty, nó còn mang một ý nghĩa lớn lao hơn khi thể hiện trách nhiệm của Công ty với xã hội.

Trong nội bộ JSI, các chế độ chính sách đối với nhân sự được thực hiện đầy đủ. Các hoạt động đào tạo được tổ chức, nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019, Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục vai trò chỉ đạo điều hành chung các mặt hoạt động của Công ty, xây dựng các kế hoạch, định hướng trong trung và dài hạn, cũng như củng cố các hoạt động kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro. Tại các cuộc họp định kỳ, Hội đồng Quản trị không chỉ tham vấn cho Ban Điều hành các giải pháp phát triển mà còn tư vấn các công cụ quản trị theo thông lệ quốc tế, nhằm giúp các hoạt động của JSI ngày càng trở nên chuyên nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng toàn cầu, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019 là một dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của JSI với 2 sự kiện là tăng vốn thành công lên 160 tỷ đồng và được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Nhờ vào việc đa dạng hóa nguồn doanh thu, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới, năm 2019 là năm thứ 2 liên tiếp JSI hoạt động có lãi sau 4 năm lỗ. Đặc biệt hơn nữa, lợi nhuận của 2019 gấp khoảng 17 lần so với năm 2018, bù đắp khoảng 2/3 số lỗ lũy kế trước đó. Hội đồng Quản trị đánh giá rất cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành và quản trị công ty, luôn nỗ lực tìm kiếm các cơ hội để tăng doanh thu cũng như thu hút các khách hàng mới.

Năm 2019, Công ty đã triển khai phần mềm giao dịch mới là Bloomberg - có thể kết nối với hệ thống giao dịch toàn cầu. Việc này không chỉ giúp thực hiện công việc được thuận tiện, nhanh chóng, chính xác và giảm thiểu rủi ro, mà còn giúp đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng tổ chức chuyên nghiệp ở nước ngoài. Việc chủ động thay đổi hệ thống để tiếp cận gần hơn với các phương thức giao dịch quốc tế là chủ trương được đánh giá là phù hợp với định hướng về khách hàng mục tiêu của Công ty.

Song hành với việc đầu tư phát triển, Công ty cũng chú trọng vào công tác kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa và quản lý rủi ro bằng cách rà soát, sửa đổi và ban hành các quy trình quản lý và kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn đi theo đúng định hướng và trong phạm vi, khuôn khổ của pháp luật. Trong năm vừa qua, Công ty đã xây dựng lại và hoàn thiện toàn bộ quy trình, chính sách, nội quy song ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc cũng như quy định của pháp luật.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị đánh giá Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc các chủ trương và định hướng của Hội đồng Quản trị đề ra trong năm 2019 nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh. Chế độ báo cáo và công bố thông tin đối với các cơ quan quản lý được thực hiện đúng và đáp ứng yêu cầu luật định.

Vấn đề nhân sự và công tác quản trị doanh nghiệp luôn được Ban Giám đốc Công ty chú trọng và liên tục củng cố. Định hướng của Công ty hiện đang thể hiện đường đi hợp lý thông qua việc kết quả kinh doanh đang cải thiện theo hướng tích cực qua từng năm. Ban Giám đốc đã vận hành Công ty một cách tích cực và vượt qua những khó khăn thách thức không nhỏ.

Thông qua hệ thống các báo cáo nội bộ định kỳ và bất thường, cùng các kênh báo cáo trực tiếp cũng như gián tiếp (bằng văn bản, qua email, điện thoại...), các thành viên của Hội đồng Quản trị – bao gồm cả các thành viên không điều hành – cũng có thể nắm được tình hình của Công ty một cách sát sao và kịp thời, đáp ứng được yêu cầu quản trị và giám sát tình hình hoạt động của Công ty của tất cả các thành viên trong Hội đồng.

Hội đồng Quản trị cũng đánh giá cao Ban Giám đốc Công ty về việc thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Các hoạt động do Công ty khuyến khích nhân sự tham gia nhận được sự ủng hộ của đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khởi động năm 2020, thị trường chứng khoán toàn cầu bị ảnh hưởng bởi khá nhiều sự kiện mang tính tiêu cực như: đại dịch virus Corona, cháy rừng tại Úc và Mỹ, căng thẳng thương mại... Hội đồng Quản trị nhận thấy JSI cần có những đổi mới toàn diện hơn nữa nhằm tận dụng được nguồn lực sẵn có về công nghệ và nhân sự, giảm thiểu những rủi ro của thị trường, tận dụng và khai thác các cơ hội để phát triển Công ty.

Kế hoạch marketing

Tiếp tục thành công của năm 2019, sang 2020, JSI vẫn triển khai các kế hoạch marketing đã đề ra. Định hướng đến nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài và mở rộng thêm ra ngoài thị trường Nhật Bản, JSI cần tích cực triển khai các chiến dịch quảng bá tới những thị trường phi truyền thống trước đây của Công ty như Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... Việc tiến ra các thị trường khác chắc chắn sẽ là một thách thức không nhỏ cho đội ngũ nhân sự của JSI, nhưng Hội đồng Quản trị tin tưởng với sự hỗ trợ của Công ty mẹ tại Nhật Bản cùng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và những trải nghiệm của nhân sự tại các thị trường truyền thống, JSI hoàn toàn có thể vững bước trước các áp lực cạnh tranh trên các thị trường lớn khác.

Kế hoạch đầu tư

Năm 2019, JSI đã được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Tuy nhiên, với những biến động của tài chính thế giới cuối 2019 và đầu 2020, JSI không vội vã đầu tư mà đang thực hiện nghiên cứu thị trường một cách cẩn thận, sắp xếp và phân bổ nguồn lực tài chính cho hợp lý nhằm đảm bảo an toàn cho nguồn vốn của cổ đông. Năm 2020, nếu thị trường cho tín hiệu tốt, Ban Điều hành JSI cần xem xét và tiến hành hoạt động đầu tư cho Công ty nhằm gia tăng doanh thu và đa dạng hóa nguồn thu.

Kế hoạch quản trị

Ngoài các kế hoạch trên, Hội đồng Quản trị kỳ vọng Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục đảm bảo tính ổn định của hệ thống, xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu cả về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, đồng thời tăng cường tổ chức các hoạt động kiểm tra giám sát nội bộ, đảm bảo và nâng cao uy tín của Công ty.

Việc chuẩn bị các phương án và kịch bản để đối phó với các rủi ro tiềm ẩn cũng là một yêu cầu quan trọng mà Hội đồng Quản trị giao nhiệm vụ cho Ban Giám đốc JSI. Các hoạt động của Công ty cần phải linh hoạt nắm bắt các cơ hội trên thị trường, nhưng vẫn cần đề cao các biện pháp kiểm soát và quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và theo đúng định hướng của Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Lãnh đạo cần tận dụng lợi thế Công ty mẹ là một đại diện lâu năm và điển hình tại một thị trường phát triển của thế giới để học hỏi và tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và điều hành Công ty, một mặt phải tiệm cận gần với các thông lệ quốc tế, mặt khác vẫn phải đáp ứng chặt chẽ các tiêu chuẩn của Việt Nam.

Kế hoạch về việc bổ sung nhân sự cho phòng Phân tích để thực hiện các báo cáo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng cần được triển khai sớm, nhằm đem lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty trên thị trường thế giới. Các báo cáo này cần phải đảm bảo chất lượng, có nội dung nhận định khách quan và đa chiều để đủ tiêu chuẩn đưa lên các trang thông tin toàn cầu, đây chính là một kênh quảng bá uy tín mà các nhà đầu tư tổ chức dễ dàng tiếp cận.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN



Số: 067 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/03/2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác; Trong đó, Báo cáo kiểm toán độc lập số HAN 2165 lập ngày 22/03/2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.




Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020


Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2020-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		123.606.106.872	24.166.073.729
I. Tài sản tài chính	110		122.957.152.433	23.296.601.418
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	47.398.414.835	9.612.886.716
1.1. Tiền	111.1		4.398.414.835	4.612.886.716
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		43.000.000.000	5.000.000.000
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	73.000.000.000	6.000.000.000
3. Các khoản cho vay	114	8	1.295.112.294	1.284.195.294
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(1.282.725.848)	(1.279.862.288)
5. Các khoản phải thu	117	10	1.337.621.647	829.048.358
5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.337.621.647	829.048.358
5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.337.621.647	829.048.358
6. Trả trước cho người bán	118	10	5.000.000	3.349.795.560
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	236.535.875	3.110.616.724
8. Các khoản phải thu khác	122	10	967.193.630	389.921.054
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 133 =>136)	130		648.954.439	869.472.311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	209.432.202	361.921.686
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		142.900.000	210.928.388
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	15	296.622.237	296.622.237
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 +210+ 250)	200		35.290.886.664	68.031.313.584
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		18.000.000.000	53.000.000.000
1. Các khoản đầu tư	212	7	18.000.000.000	53.000.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		18.000.000.000	53.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.704.117.651	8.818.924.109
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.055.680.807	8.669.058.512
- Nguyên giá	222		11.402.293.204	10.467.623.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(3.346.612.397)	(1.798.564.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.648.436.844	149.865.597
- Nguyên giá	228		8.023.892.220	2.739.892.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(3.375.455.376)	(2.590.026.623)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	62.425.682
IV. Tài sản dài hạn khác	250		4.586.769.013	6.149.963.793
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		801.034.880	799.834.880
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11	2.433.351.343	4.038.338.608
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	1.352.382.790	1.311.790.305
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+ 200)	270		158.896.993.536	92.197.387.313

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.918.456.096	2.431.373.138
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.918.456.096	2.431.373.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		19.795.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	234.191.418	692.345.181
3. Phải trả người lao động	323		1.088.974.850	781.222.710
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		68.397.000	68.324.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	418.246.167	769.156.359
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	88.851.661	120.324.888
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		156.978.537.440	89.766.014.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	156.978.537.440	89.766.014.175
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		160.000.000.000	100.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		160.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(3.691.277.687)	(10.903.800.952)
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(3.691.277.687)	(10.903.800.952)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		158.896.993.536	92.197.387.313

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
----------	-------	-------------	-------------	------------

A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT

1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			8.804,09	283,29
- JPY			115.271	115.271
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		16.000.000	10.000.000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
----------	-------	-------------	-------------	------------

B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19	206.318.890.000	191.637.650.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		205.844.030.000	191.238.450.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		229.060.000	334.000.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		245.800.000	65.200.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20	786.440.000	2.023.740.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		786.440.000	2.023.740.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	21	2.515.100.000	2.232.200.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024	22	4.884.762.400	4.824.335.200

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Tiền gửi của khách hàng	026	23	2.820.258.223	4.705.014.600
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2.702.485.116	3.418.867.665
5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		112.579.350	-
5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	184.861.028
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	172.319.917
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	12.541.111
5.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch	030		5.193.757	1.101.285.907
6. chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24	2.815.064.466	3.603.728.693
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2.749.335.882	3.591.187.582
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		65.728.584	12.541.111
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		5.193.757	1.101.285.907

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	25	5.821.337.093	1.725.234.853
1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	11.355.678	17.040.039
1.3 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		12.700.295.042	8.848.366.616
1.4 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.016.000.000	6.048.710.000
1.5 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		120.622.140	174.517.109
1.6 Thu nhập hoạt động khác	11		189.405.757	117.557.926
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		20.859.015.710	16.931.426.543
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	26	2.863.560	10.499.720
2.2 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	26	12.309.796.047	8.242.211.857
2.3 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	26	692.703.638	1.020.160.567
2.4 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	26	79.547.330	99.350.956
2.5 Chi phí các dịch vụ khác	32	26	-	2.800.003
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	40		13.084.910.575	9.375.023.103
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	27	56.568	68.147.960
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	27	96.955.558	84.098.971
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 => 42)	50		97.012.126	152.246.931
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		1.700.594	777.294
Cộng chi phí tài chính (60 = 51)	60		1.700.594	777.294
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	6.225.557.395	7.367.748.203
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		1.643.859.272	340.124.874

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71	29	5.568.729.775	73.285.385
7.2 Chi phí khác	72		65.782	87.687
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		5.568.663.993	73.197.698
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70+ 80)	90		7.212.523.265	413.322.572
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		7.212.523.265	413.322.572
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	-	-
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		7.212.523.265	413.322.572
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ 1 cổ phiếu)	501	31	615	81

Hoàng Thị Thanh Huyền
 Người lập biểu

Khổng Thị Hương
 Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	7.212.523.265	413.322.572
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	2.228.028.914	433.699.150
- Khấu hao TSCĐ	03	2.333.476.590	406.159.391
- Các khoản dự phòng	04	2.863.560	10.499.720
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	7	(96.955.558)	-
- Dự thu tiền lãi	8	(11.355.678)	17.040.039
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(28.945.530.728)	(46.097.407.351)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(32.000.000.000)	(36.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(10.917.000)	250.441.553
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	(497.217.611)	(610.902.664)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	2.874.080.849	(1.895.220.110)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu về khác	39	(582.272.576)	(3.673.894.119)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(350.910.192)	358.936.088
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	1.757.476.749	(3.950.595.219)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	19.795.000	(197.600.000)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	73.000	(51.886.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(458.153.763)	448.297.167
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	307.752.140	139.960.693
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(31.473.227)	43.192.277
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	26.235.903	(958.137.017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(19.504.978.549)	(45.250.385.629)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(2.806.448.890)	(9.046.057.576)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	96.955.558	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(2.709.493.332)	(9.046.057.576)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	60.000.000.000	59.000.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>59.000.000.000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	37.785.528.119	4.703.556.795
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	9.612.886.716	4.909.329.921
- Tiền	101.1	4.612.886.716	1.909.329.921
- Các khoản tương đương tiền	101.2	5.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	47.398.414.835	9.612.886.716
- Tiền	103.1	4.398.414.835	4.612.886.716
- Các khoản tương đương tiền	103.2	43.000.000.000	5.000.000.000

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	113.480.048.400	75.604.562.148
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(111.661.394.200)	(70.916.398.430)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	118.201.148.740	154.574.019.302
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách	08	(120.662.162.003)	(160.412.718.797)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(146.305.164)	(172.277.135)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	15.740.217.527	14.385.889.986
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(16.836.309.677)	(13.289.259.273)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>	<i>(1.884.756.377)</i>	<i>(226.182.199)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	4.705.014.600	4.931.196.799
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	3.418.867.665	4.182.934.159
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	184.861.028	743.607.446
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	1.101.285.907	4.655.194
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	2.820.258.223	4.705.014.600
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	2.702.485.116	3.418.867.665
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	112.579.350	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	-	184.861.028
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.193.757	1.101.285.907

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2018	01/01/2019	Năm trước		Năm nay		31/12/2018	31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	41.000.000.000	100.000.000.000	59.000.000.000	-	60.000.000.000	-	100.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18	325.801.831	325.801.831	-	-	-	-	325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	18	344.013.296	344.013.296	-	-	-	-	344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(11.317.123.524)	(10.903.800.952)	413.322.572	-	7.212.523.265	-	(10.903.800.952)	(3.691.277.687)
Tổng vốn chủ sở hữu	18	30.352.691.603	89.766.014.175	59.413.322.572	-	67.212.523.265	-	89.766.014.175	156.978.537.440

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.



Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16/01/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy Phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2019. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được sửa đổi và ban hành mới nhất vào ngày 26/08/2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 20 người (Tại ngày 01/01/2019 là 26 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.
- Tự doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty Chứng khoán Aizawa: Công ty mẹ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 06 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.

- **Thu nhập hoạt động khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty còn khoản lỗ là 3.694.038.356 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	4.398.414.835	4.612.886.716
Các khoản tương đương tiền (i)	43.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	47.398.414.835	9.612.886.716

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng TMCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
Của nhà đầu tư	83.024.302	2.707.412.951.900
- Cổ phiếu	83.018.229	2.707.352.224.700
- Chứng chỉ quỹ	6.072,72	60.727.200
Cộng	83.024.302	2.707.412.951.900

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	73.000.000.000	6.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	73.000.000.000	6.000.000.000
b) Dài hạn	18.000.000.000	53.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)	18.000.000.000	53.000.000.000
Cộng	91.000.000.000	59.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, lãi suất từ 7,0%/năm - 7,3%/năm, lãi nhận định kỳ.
- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng và 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, lãi suất từ 7,2%/năm và 8,2%/năm, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trả lãi định kỳ, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam trả lãi khi đáo hạn.

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	1.295.112.294	1.282.725.848	1.284.195.294	1.279.862.288
Cho vay hoạt động Margin (i)	1.284.195.294	1.282.725.848	1.284.195.294	1.279.862.288
Cho vay hoạt động ứng trước	10.917.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Theo Thông báo số 001/2017/JSI-CBTT ngày 23/01/2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Số dư cho vay hoạt động Margin tại ngày 31/12/2019 phát sinh từ trước ngày 01/01/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị: VND

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm	Mức (trích lập)/ hoàn nhập trong năm
		Giá số sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng cuối năm		
I	Tài sản tài chính cho vay					
	Các khoản cho vay	1.295.112.294	12.386.446	(1.282.725.848)	(1.279.862.288)	(2.863.560)
	Cho vay hoạt động Margin	1.284.195.294	1.469.446	(1.282.725.848)	(1.279.862.288)	(2.863.560)
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	10.917.000	10.917.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.337.621.647	829.048.358
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.329.495.891	820.972.602
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	8.075.756	8.075.756
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	50.000	-
Trả trước cho người bán	5.000.000	3.349.795.560
Công ty cổ phần giải pháp phần mềm tài chính	-	2.500.000.000
Công ty TNHH Frontier Consulting Việt Nam	-	697.795.560
Đối tượng khác	5.000.000	152.000.000
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	236.535.875	3.110.616.724
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	57.494.576	322.300.401
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	2.751.892.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	10.741.299	36.424.323
Các khoản phải thu khác	967.193.630	389.921.054
Công ty Chứng khoán Aizawa	932.476.716	365.671.701
Các khoản phải thu khác	34.716.914	24.249.353

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	209.432.202	361.921.686
Chi phí bảo trì	-	174.485.613
Chi phí trả trước khác	209.432.202	187.436.073
b) Dài hạn	2.433.351.343	4.038.338.608
Chi phí thi công nội thất văn phòng	2.144.666.635	3.390.434.860
Công cụ dụng cụ xuất dùng	203.230.322	602.750.165
Chi phí trả trước khác	85.454.386	45.153.583
Cộng	2.642.783.545	4.400.260.294

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	5.245.885.000	1.667.939.900	3.553.798.172	10.467.623.072
Mua trong năm	934.670.132	-	-	934.670.132
Số dư cuối năm	6.180.555.132	1.667.939.900	3.553.798.172	11.402.293.204
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	181.430.361	51.562.658	1.565.571.541	1.798.564.560
Khấu hao trong năm	905.444.896	277.989.984	364.612.957	1.548.047.837
Số dư cuối năm	1.086.875.257	329.552.642	1.930.184.498	3.346.612.397
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	5.064.454.639	1.616.377.242	1.988.226.631	8.669.058.512
Số dư cuối năm	5.093.679.875	1.338.387.258	1.623.613.674	8.055.680.807

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 1.483.991.178 VND (Tại ngày 01/01/2019 là 1.483.991.178 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	2.739.892.220	2.739.892.220
Tăng do mua sắm mới	5.284.000.000	5.284.000.000
Số dư cuối năm	<u>8.023.892.220</u>	<u>8.023.892.220</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	2.590.026.623	2.590.026.623
Khấu hao trong năm	785.428.753	785.428.753
Số dư cuối năm	<u>3.375.455.376</u>	<u>3.375.455.376</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	<u>149.865.597</u>	<u>149.865.597</u>
Số dư cuối năm	<u>4.648.436.844</u>	<u>4.648.436.844</u>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 2.489.892.220 VND (tại ngày 01/01/2019 là 2.489.892.220 VND).

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	920.908.679	868.496.517
Tiền lãi phân bổ	311.474.111	323.293.788
Cộng	<u>1.352.382.790</u>	<u>1.311.790.305</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu	296.622.237	296.622.237
Thuế TNDN nộp thừa	296.622.237	296.622.237
b) Phải trả	234.191.418	692.345.181
Thuế GTGT	45.924.799	535.689.182
Thuế TNCN	87.001.834	118.670.755
Thuế nhà thầu	101.264.785	37.985.244

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí giao dịch, phí lưu ký	104.353.324	115.907.047
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài đã hoàn thành chưa có hoá đơn	263.892.841	472.049.800
Chi phí phải trả khác	50.000.002	181.199.512
Cộng	<u>418.246.167</u>	<u>769.156.359</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác	88.851.661	120.324.888
Cộng	88.851.661	120.324.888

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	Các quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	41.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(11.317.123.524)	30.352.691.603
Tăng vốn điều lệ	59.000.000.000	-	-	-	59.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	413.322.572	413.322.572
Số dư đầu năm	100.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(10.903.800.952)	89.766.014.175
Tăng vốn điều lệ (i)	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.212.523.265	7.212.523.265
Số dư cuối năm	160.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(3.691.277.687)	156.978.537.440

(i) Ghi chú:

- Vốn Điều lệ tăng trong năm theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 1901/NQ/ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019. Phương án phát hành: Công ty dự kiến phát hành thêm 6.000.000 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,6 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được 01 quyền và 01 quyền được mua 0,6 cổ phiếu). Phương án đã được Hội đồng Quản trị thông qua tại Quyết định số 1901.05/NQ/ĐHĐCĐ-JSI ngày 31/01/2019.
- Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua, các cổ đông nhỏ lẻ không có phản hồi về đăng ký mua các cổ phần phát hành mới. Theo đó, toàn bộ cổ phiếu mới được phát hành cho Công ty Chứng khoán Aizawa.
- Công ty đã phát hành thành công 6.000.000 cổ phiếu. Tổng số tiền tăng vốn đã thu được bằng tiền gửi ngân hàng vào ngày 20/8/2019 và 27/8/2019.
- Công ty đã được Ủy ban chứng khoán cấp giấy phép điều chỉnh - Giấy phép hoạt động số 62/GPĐC - UBCK ngày 18/9/2019 về vấn đề tăng vốn trên.
- Ngày 03/10/2019, Công ty được Ủy ban chứng khoán cấp giấy phép điều chỉnh - Giấy Phép hoạt động số 59/GPĐC-UBCK bổ sung hoạt động tự doanh chứng khoán.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Chứng khoán Aizawa	157.950.000.000	98,72%	97.950.000.000	97,95%
Các cổ đông khác	2.050.000.000	1,28%	2.050.000.000	2,05%
Cộng	160.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2019	31/12/2018	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	16.000.000	10.000.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	16.000.000	10.000.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	VND/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	16.000.000	10.000.000	cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	205.844.030.000	191.238.450.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	229.060.000	334.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	245.800.000	65.200.000
Cộng	<u>206.318.890.000</u>	<u>191.637.650.000</u>

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	786.440.000	2.023.740.000
Cộng	<u>786.440.000</u>	<u>2.023.740.000</u>

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 2.515.100.000 VND và 2.232.200.000 VND.

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chưa lưu ký của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 4.884.762.400 VND và 4.824.335.200 VND.

23. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.702.485.116	3.418.867.665
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	112.579.350	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	184.861.028
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	-	172.319.917
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	-	12.541.111
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	5.193.757	1.101.285.907
Cộng	<u>2.820.258.223</u>	<u>4.705.014.600</u>

24. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.749.335.882	3.591.187.582
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	65.728.584	12.541.111
Cộng	<u>2.815.064.466</u>	<u>3.603.728.693</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CỎ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	5.821.337.093	1.725.234.853
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	11.355.678	17.040.039
Cộng	5.832.692.771	1.742.274.892

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.309.796.047	8.242.211.857
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	79.547.330	99.350.956
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	692.703.638	1.020.160.567
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	2.863.560	10.499.720
Chi phí các dịch vụ khác	-	2.800.003
Cộng	13.084.910.575	9.375.023.103

27. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	56.568	68.147.960
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	96.955.558	84.098.971
Cộng	97.012.126	152.246.931

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	3.152.551.828	3.565.568.551
Chi phí vật tư văn phòng	196.599.021	152.443.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.695.384	46.067.142
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.321.213.432	3.367.181.620
Chi phí khác	297.497.730	233.487.183
Cộng	6.225.557.395	7.367.748.203

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thưởng doanh số môi giới (i)	5.565.825.476	-
Các khoản khác	2.904.299	73.285.385
Cộng	5.568.729.775	73.285.385

Ghi chú:

(i) Công ty Cổ phần chứng khoán Nhật Bản được nhận tiền thưởng từ hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Chứng khoán Aizawa với điều kiện thưởng và mức thưởng như sau:

- Theo các cam kết tại Thỏa thuận số 19122018JSI-AZW ngày 19/12/2018; Từ ngày 15/01/2019, khi Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản thực hiện nghiệp vụ môi giới khớp lệnh chứng khoán trên sàn cho Công ty Chứng khoán Aizawa đạt tổng giá trị khớp lệnh hàng ngày trên 2 tài khoản giao dịch của Aizawa đạt từ 2 tỷ VND thì mức thưởng là 0,25% tổng giá trị giao dịch môi giới khớp lệnh của 2 tài khoản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. THU NHẬP KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- Theo thỏa thuận tại Phụ lục số 19122018JSI-AZW/ANX1 ngày 29/08/2019; Từ ngày 01/9/2019, khi Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản thực hiện nghiệp vụ môi giới khớp lệnh chứng khoán trên sàn cho Công ty Chứng khoán Aizawa đạt tổng giá trị khớp lệnh theo tháng trên 2 tài khoản giao dịch của Aizawa từ 50 tỷ VND thì mức thưởng là 0,25% tổng giá trị giao dịch môi giới khớp lệnh của 2 tài khoản.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.212.523.265	413.322.572
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(7.212.523.265)	(413.322.572)
Trừ: Chuyển lỗ	(7.212.523.265)	(413.322.572)
Cộng: Chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Kế hoạch chuyển lỗ

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Tình trạng
2014	2015 - 2019	3.058.622.908	3.058.622.908	-	Chưa quyết toán
2015	2016 - 2020	3.421.830.827	3.421.830.827	-	Chưa quyết toán
2016	2017 - 2021	4.409.479.799	1.145.392.102	3.264.087.697	Chưa quyết toán
2017	2018 - 2022	429.950.659	-	429.950.659	Chưa quyết toán
Cộng		11.319.884.193	7.625.845.837	3.694.038.356	

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.212.523.265	413.322.572
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	11.726.027	5.083.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	615	81

Công ty đang lỗ lũy kế nên chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty theo Hợp đồng số 15052018/HĐCTVP/TNL-JSI ngày 15/05/2018 với Công ty cổ phần đầu tư và cho thuê tài sản TNL, địa điểm thuê Unit 2,3,4,5 tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, thời gian thuê từ ngày 15/8/2018 đến ngày 14/08/2023 Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 2.554.541.660 VND.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
		VND
Trong vòng 1 năm tới	2.554.541.660	2.554.541.660
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	9.249.912.946	11.804.454.606

33. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Hoạt động môi giới	Hoạt động cho vay, đầu tư	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	12.700.295.042	5.929.648.329	2.016.000.000	120.622.140	189.462.325	20.956.027.836
Chi phí bộ phận trực tiếp	12.309.796.047	2.863.560	692.703.638	79.547.330	1.700.594	13.086.611.169
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	6.225.557.395
Kết quả hoạt động kinh doanh	390.498.995	5.926.784.769	1.323.296.362	41.074.810	187.761.731	1.643.859.272

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Aizawa		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	11.226.544.064	7.101.908.673
Doanh thu tư vấn	2.016.000.000	6.048.710.000
Thưởng doanh số môi giới	5.565.825.476	-
Nhận tiền góp vốn	60.000.000.000	59.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Aizawa		
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	54.636.446	298.191.184
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	2.751.892.000
Phải thu khác	932.476.716	365.671.701

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.159.547.440	1.217.453.996
Cộng	1.159.547.440	1.217.453.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	47.398.414.835	9.612.886.716
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>156.978.537.440</u>	<u>89.766.014.175</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0%</u>	<u>0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.398.414.835	9.612.886.716
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.000.000.000	59.000.000.000
Các khoản cho vay	1.295.112.294	1.284.195.294
Các khoản phải thu, phải thu khác	2.541.351.152	4.329.586.136
Các khoản ký quỹ	<u>943.934.880</u>	<u>1.010.763.268</u>
Cộng	<u>143.178.813.161</u>	<u>75.237.431.414</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	108.646.661	120.324.888
Chi phí phải trả	<u>418.246.167</u>	<u>769.156.359</u>
Cộng	<u>526.892.828</u>	<u>889.481.247</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.398.414.835	-	47.398.414.835
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	73.000.000.000	18.000.000.000	91.000.000.000
Các khoản cho vay	1.295.112.294	-	1.295.112.294
Các khoản phải thu, phải thu khác	2.541.351.152	-	2.541.351.152
Các khoản ký quỹ	142.900.000	801.034.880	943.934.880
Cộng	124.377.778.281	18.801.034.880	143.178.813.161
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	108.646.661	-	108.646.661
Chi phí phải trả	418.246.167	-	418.246.167
Cộng	526.892.828	-	526.892.828
Chênh lệch thanh khoản thuần	123.850.885.453	18.801.034.880	142.651.920.333

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.612.886.716	-	9.612.886.716
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	53.000.000.000	59.000.000.000
Các khoản cho vay	1.284.195.294	-	1.284.195.294
Các khoản phải thu, phải thu khác	4.329.586.136	-	4.329.586.136
Các khoản ký quỹ	210.928.388	799.834.880	1.010.763.268
Cộng	21.437.596.534	53.799.834.880	75.237.431.414
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	120.324.888	-	120.324.888
Chi phí phải trả	769.156.359	-	769.156.359
Cộng	889.481.247	-	889.481.247
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.548.115.287	53.799.834.880	74.347.950.167

36. THÔNG TIN KHÁC

Về việc bổ sung hoạt động tự doanh

Theo Giấy Phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2019, Công ty được bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 2.652.000.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà đã được thanh toán từ năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020





XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TSUYOSHI IMAI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

